

**CÔNG KHAI TÀI CHÍNH SUẤT ĂN THEO BỮA HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH**  
(Theo ý 2, tiểu mục 5.3, mục 5 của công văn số 1801/SGDDĐT-TTr ngày 30/08/2023 của sở GD&ĐT)

Sơn la ngày 26 tháng 06 năm 2025

Đơn vị thực hiện: Công ty cổ phần TM&DV Bình An - Sla

| STT             | Tên thực phẩm/ suất ăn   | Bữa sáng                       |      | Bữa trưa                       |      | Bữa tối                        |      | Ghi chú |
|-----------------|--------------------------|--------------------------------|------|--------------------------------|------|--------------------------------|------|---------|
|                 |                          | (Số lượng, khối lượng/suất ăn) |      | (Số lượng, khối lượng/suất ăn) |      | (Số lượng, khối lượng/suất ăn) |      |         |
| 1               | Gạo tẻ                   |                                |      | 160                            | Gram | 160                            | Gram |         |
| 2               | Xôi muối lạc             | 1                              | Suất |                                |      |                                |      |         |
| 3               | Thịt xay                 |                                |      | 30                             | Gram |                                |      |         |
| 4               | Ức gà                    |                                |      | 35                             | Gram |                                |      |         |
| 5               | Cà rốt                   |                                |      | 10                             | Gram |                                |      |         |
| 6               | Khoai tây                |                                |      | 10                             | Gram |                                |      |         |
| 7               | Su su                    |                                |      | 10                             | Gram |                                |      |         |
| 8               | Cá rô rán                |                                |      |                                |      | 110                            | Gram |         |
| 9               | Lạc chao                 |                                |      | 30                             | Gram |                                |      |         |
| 10              | Thịt xay nấu canh        |                                |      | 5                              | Gram | 5                              | Gram |         |
| 11              | Trứng gà luộc            |                                |      |                                |      | 1                              | Quả  |         |
| 12              | Rau củ quả theo mùa luộc |                                |      | 90                             | Gram | 90                             | Gram |         |
| 13              | Canh rau củ quả theo mùa |                                |      | 5                              | Gram | 5                              | Gram |         |
| 14              | Hoa quả tráng miệng      |                                |      |                                |      | 60                             | Gram |         |
| 15              | Hành lá                  |                                |      | 3                              | Gram |                                |      |         |
| 16              | Bột chiên giòn           |                                |      |                                |      | 3                              | Gram |         |
| 17              | Bột canh                 |                                |      | 6                              | Gram | 6                              | Gram |         |
| 18              | Mỳ chính                 |                                |      | 5                              | Gram | 5                              | Gram |         |
| 19              | Nước mắm                 |                                |      | 0,018                          | Lít  | 0,018                          | Lít  |         |
| 20              | Muối trắng sạch          |                                |      | 3                              | Gram | 3                              | Gram |         |
| 21              | Dầu ăn                   |                                |      | 0,025                          | Lít  | 0,044                          | Lít  |         |
| 22              | Nước rửa Bát             |                                |      | 0,023                          | Lít  | 0,023                          | Lít  |         |
| 23              | Nước lau sàn             |                                |      | 0,015                          | Lít  | 0,015                          | Lít  |         |
| 24              | Chất đốt                 |                                |      | 40                             | Gram | 40                             | Gram |         |
| Giá suất ăn     |                          | 7.000                          |      | 24.000                         |      | 24.000                         |      |         |
| Tổng số suất ăn |                          | 68                             |      | 68                             |      | 68                             |      |         |

Lưu ý: - Công khai đầy đủ định lượng của các loại lương thực, thực phẩm trong suất ăn theo thực đơn

'- Giá suất ăn đã bao gồm cả gạo đối với trường nội trú, không bao gồm gạo đối với các trường tổ chức nấu ăn cho học sinh bán trú.

NGƯỜI LẬP

Dung

Lò Thị Dung

CÔNG TY  
ĐẠI DIỆN CÔNG TY

THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ  
BÌNH AN - SLA

Đỗ Minh Thế

XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO NHÀ  
TRƯỜNG

TRƯỜNG PTDT  
NỘI TRÚ THCH  
VÀ THPT HUYỆN  
SÔNG MÃ

Chu Tuấn Long